CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Bất động sản Thế Kỷ

Ngày 30/09/2025	10,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.5%	**23.8%**	**52.2%**

DT thuần
Q3/25
334
tỷ VNĐ
QoQ: ▼16.0| -4.5%
YoY: ▲ 6.00| 1.9%

LN thuần
Q3/25
31.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼21.8| -41.2%
YoY: ▲ 5.90| 23.5%

LN sau thuế
Q3/25
20.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼20.7| -50.8%
YoY: ▲ 4.00| 25.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
14.5%
YoY: +/-▼ 6.3%

ROE (TTM)
Q3/25
1.3%
YoY: +/-▲ 0.1%

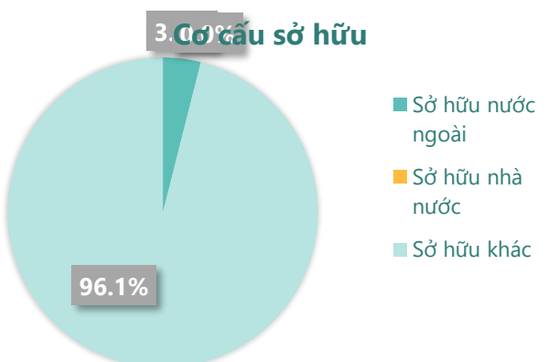
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,280 - 11,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,869
Số lượng CPLH (CP)	463,678,426
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,359,490
Sở hữu nước ngoài	3.9%
Beta	0.76
EPS	166
P/E	63.3

DT thuần
9T 2025
838
tỷ VNĐ
YoY: ▼317| -27.4%

LN thuần
9T 2025
90.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.6| 24.3%

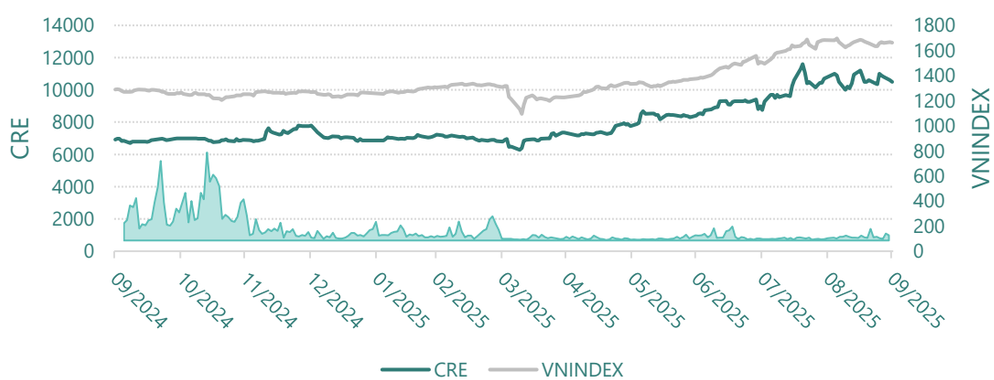
LN sau thuế
9T 2025
63.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 31.9| 99.7%

Cơ cấu sở hữu

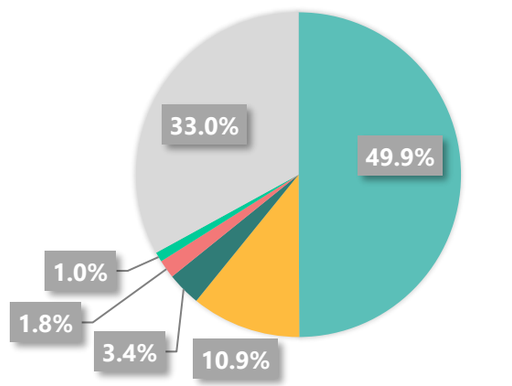


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



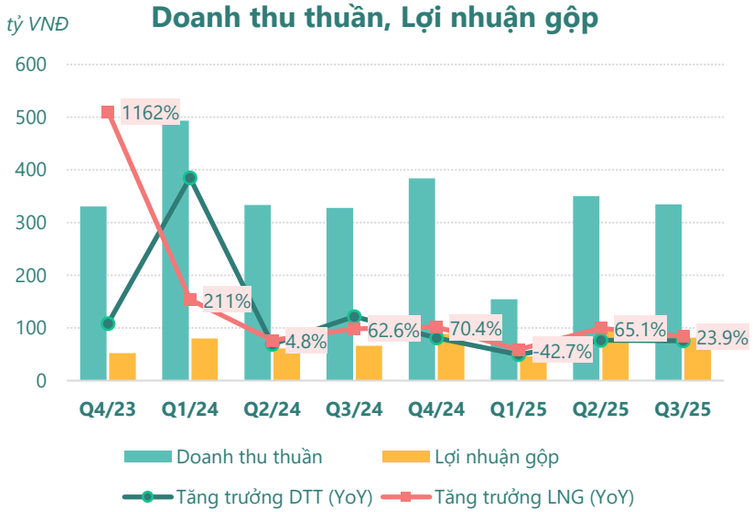
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

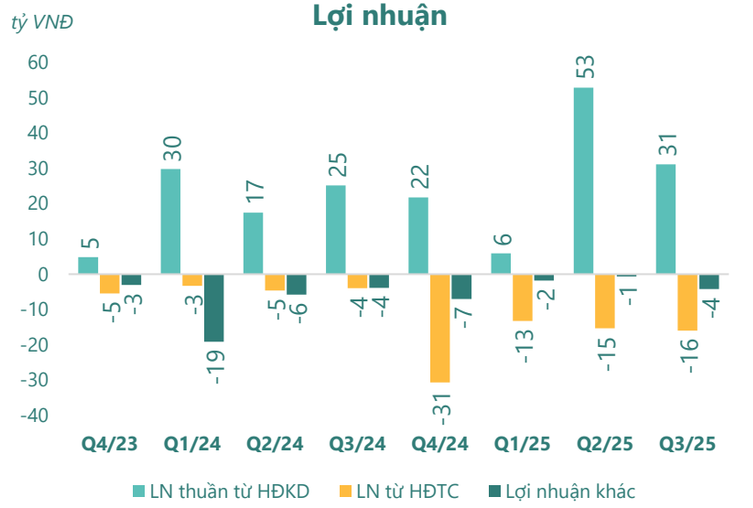
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



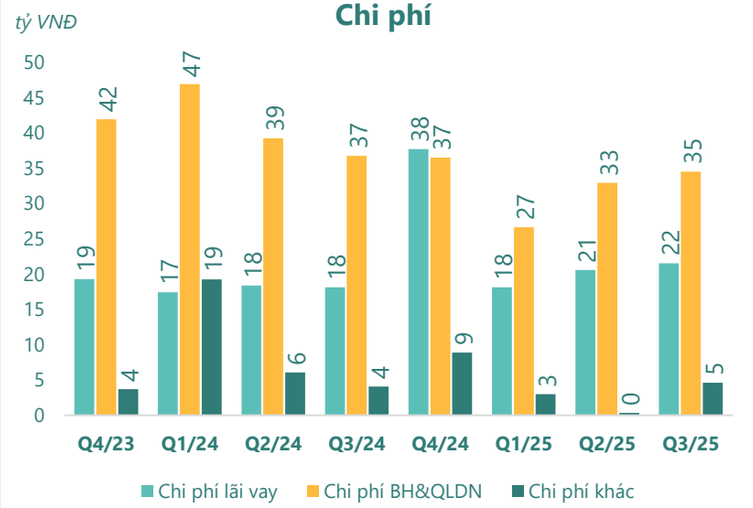
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



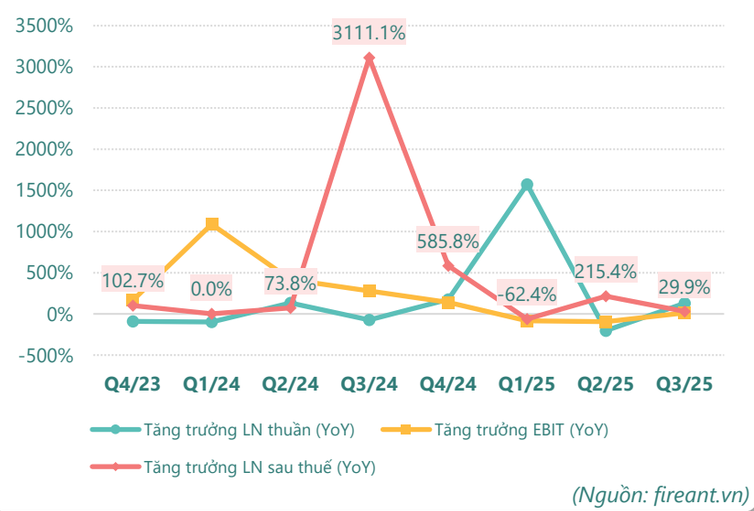
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



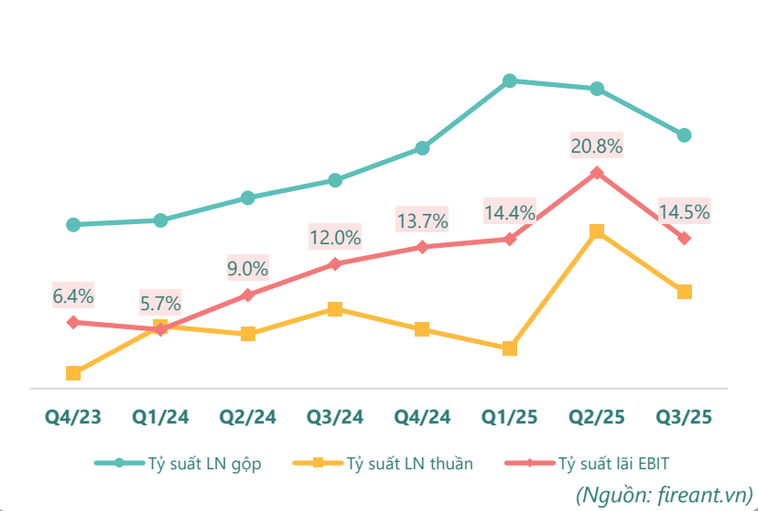
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



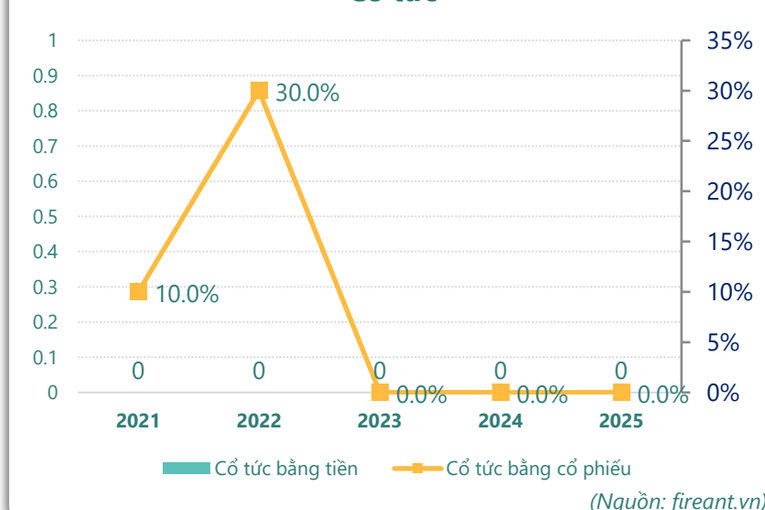
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

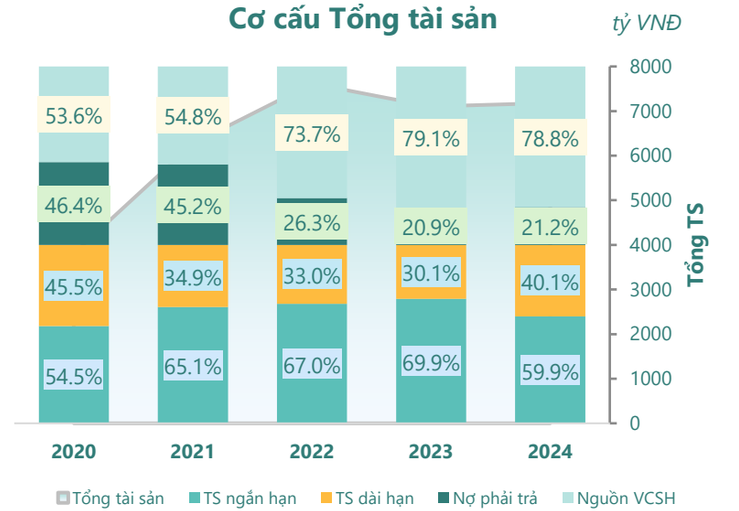
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

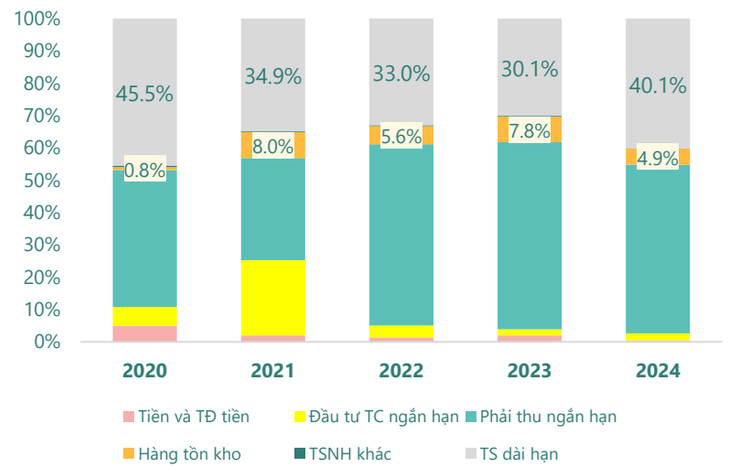
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



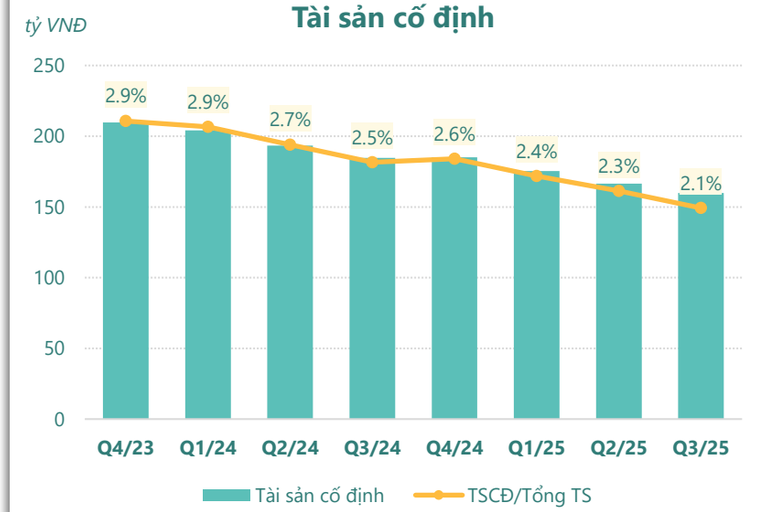
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



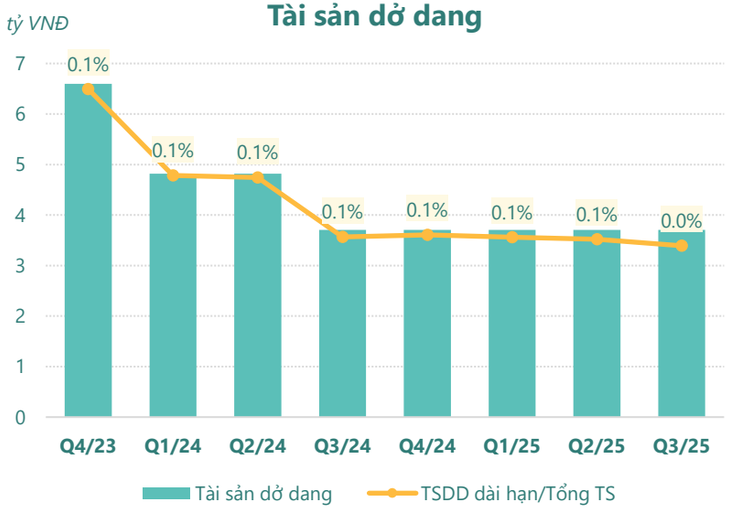
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



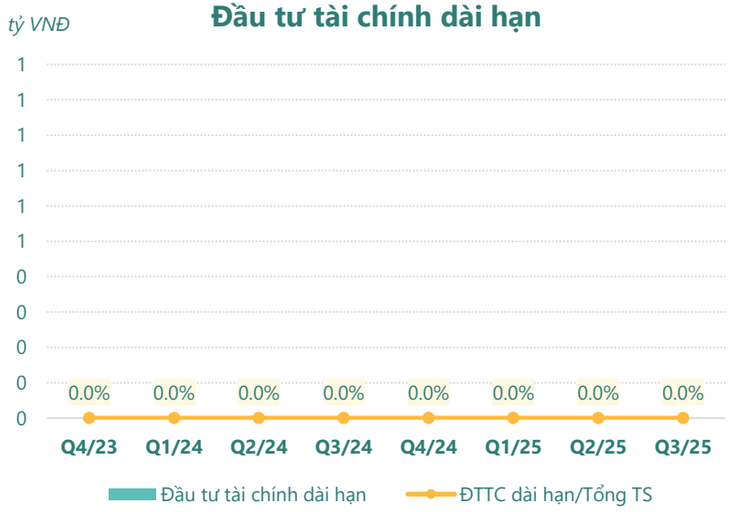
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



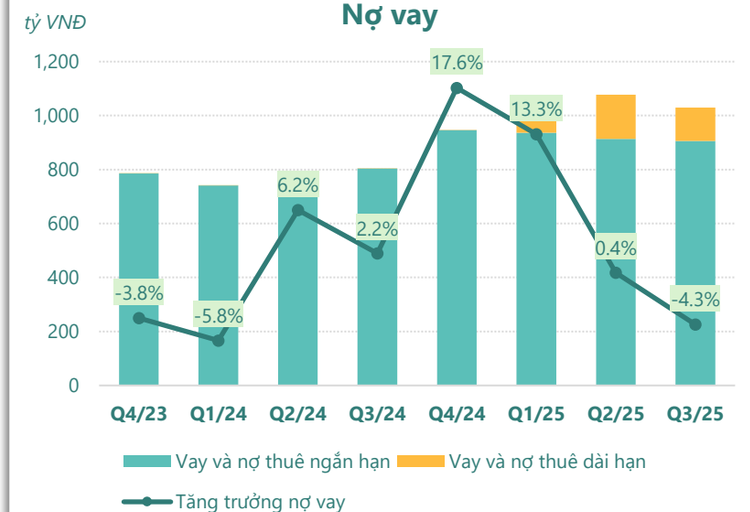
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

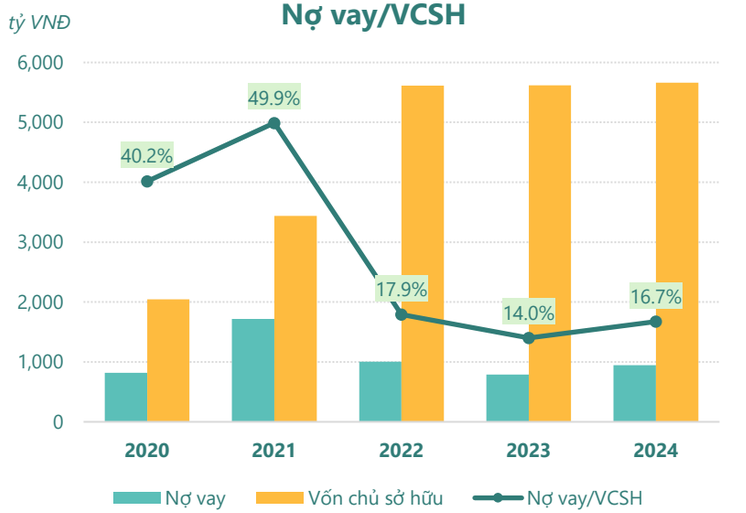
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

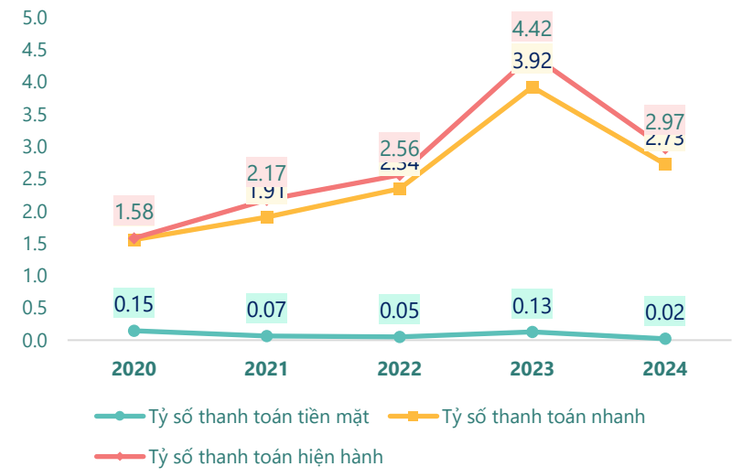
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



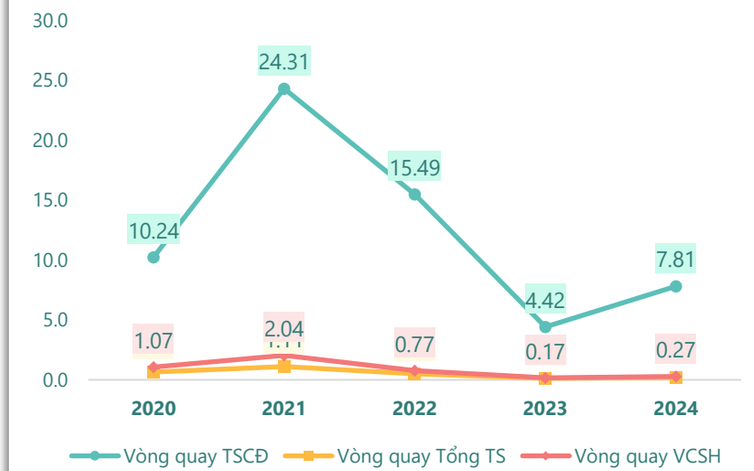
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



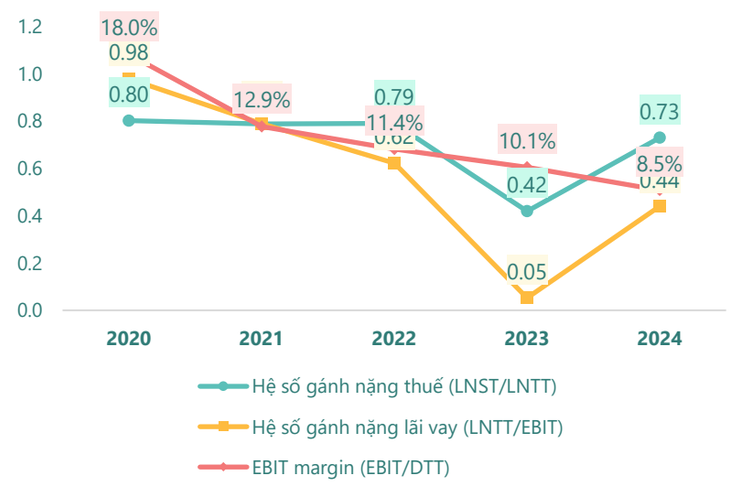
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



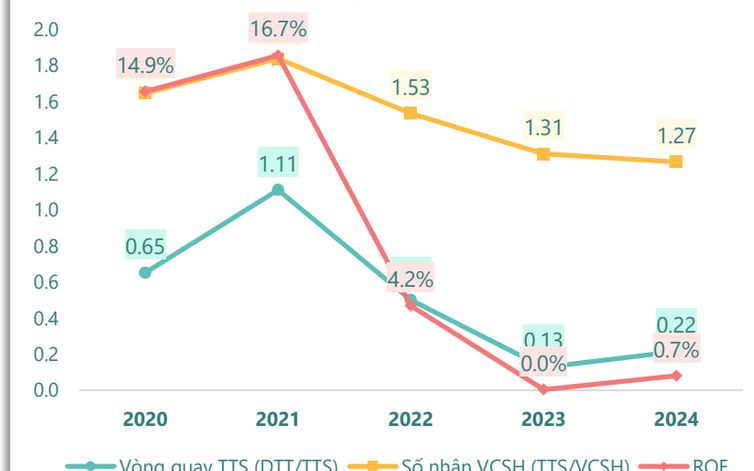
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



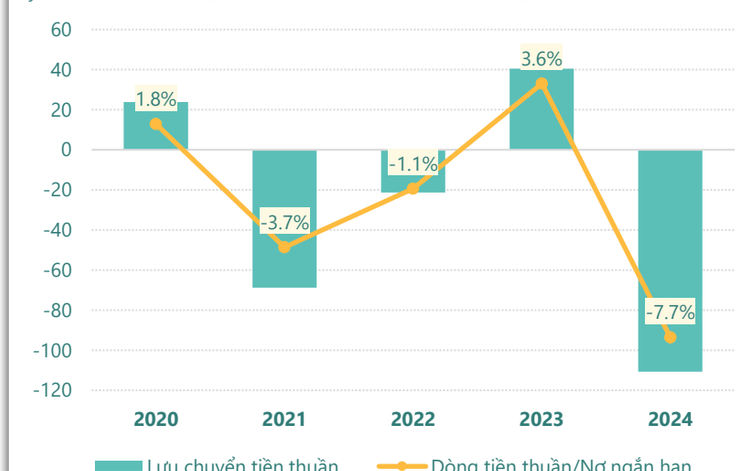
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**334**	**328**	**1.9%**	**838**	**1,155**	**-27.4%**
Giá vốn hàng bán	253	262	-3.6%	610	948	-35.7%
Lợi nhuận gộp	81.7	65.9	23.9%	229	207	10.4%
Doanh thu HĐTC	5.55	14.2	-60.9%	15.7	42.1	-62.8%
Chi phí TC	21.6	18.1	19.1%	60.3	54.0	11.7%
Chi phí lãi vay	21.6	18.1	19.1%	60.3	54.0	11.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.52	1.73	161%	9.94	17.8	-44.0%
Chi phí QLDN	**30.0**	**35.0**	**-14.3%**	**84.2**	**105**	**-20.0%**
LN thuần từ HĐKD	31.1	25.2	23.5%	90.0	72.4	24.3%
Lợi nhuận khác	**-4.24**	**-3.91**	**-8.4%**	**-6.71**	**-28.9**	**76.8%**
LN trước thuế	26.9	21.3	26.2%	83.3	43.5	91.3%
Lợi nhuận sau thuế	**20.0**	**16.0**	**25.2%**	**63.9**	**32.0**	**99.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**23.1**	**14.2**	**62.7%**	**65.6**	**29.7**	**121%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.2	-0.57	-729	0	-111	-43.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-81.2	-23.2	426	0	19.5	90.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	46.3	20.1	235	0	4.96	-42.2
Tiền đầu kỳ	119	102	98.0	0	142	60.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-17.7**	**-3.72**	**-67.0**	**0**	**-86.5**	**5.60**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	102	98.0	31.0	0	55.5	65.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,648**	**7,181**	**6.5%**
Tài sản ngắn hạn	4,549	4,298	5.8%
Tiền và tương đương tiền	65.6	31.1	111%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	180	157	14.6%
Phải thu ngắn hạn	3,419	3,746	-8.7%
Hàng tồn kho	869	354	145%
Tài sản ngắn hạn khác	14.8	9.45	56.3%
Tài sản dài hạn	**3,099**	**2,882**	**7.5%**
Phải thu dài hạn	2,618	2,470	6.0%
Tài sản cố định	160	185	-13.7%
Bất động sản đầu tư	159	177	-10.2%
Tài sản dở dang	3.71	3.71	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**34.0**	**46.2**	**-26.5%**
Lợi thế thương mại	125	0.51	24484%
Nợ phải trả	1,717	1,519	13.0%
Nợ ngắn hạn	**1,537**	**1,446**	**6.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	906	946	-4.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	159	133	18.8%
Nợ dài hạn	180	72.9	147%
Vay và nợ thuê dài hạn	124	0.51	24124%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,932**	**5,662**	**4.8%**
Vốn chủ sở hữu	**5,932**	**5,662**	**4.8%**
Vốn điều lệ	4,637	4,637	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)